

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020
*“V/v Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST-DS ngày 04/5/2020 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C;

Địa chỉ: Tòa nhà C, khu bán đảo L, quận H, TP. Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Duy K – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Đắk Nông (Theo giấy ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Bị đơn: ông Võ Thanh S, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/03/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Thực hiện chương trình cho vay hộ nghèo nên vào ngày 23 tháng 02 năm 2016 Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T đã giải ngân có cho ông Võ Thanh S vay số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo số hợp đồng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/6/2016. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Võ Thanh S vay số tiền là 30.000.000 đồng với lãi suất 0,55%/tháng, lãi

suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 47 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng một lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/02/2020, tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 08. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã vi phạm hợp đồng, cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Tính đến ngày 23/3/2020 ông S còn nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc và 325.000 đồng tiền lãi.

Thực hiện chương trình cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nên vào ngày 08 tháng 12 năm 2016 Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T đã giải ngân cho ông Võ Thanh S vay số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo số hợp đồng mã món vay số 6600000709113523 ngày 08/12/2016. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Võ Thanh S vay số tiền là 12.000.000 đồng với lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 58 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/9/2021, tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 08. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã vi phạm hợp đồng, cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng; vi phạm mục đích sử dụng vốn vay không vì mục đích đầu tư chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường theo hợp đồng. Tính đến ngày 23/3/2020 ông S còn nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 12.000.000 đồng tiền gốc và 177.000 đồng tiền lãi.

Ngân hàng đã cử cán bộ nhiều lần đôn đốc ông S trả nợ vay theo chương trình hộ nghèo và sử dụng vốn vay đúng mục đích theo hợp đồng nhưng ông Võ Thanh S không trả, không hợp tác với cán bộ ngân hàng để giải quyết vì vậy Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền gốc đã quá hạn là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Buộc ông S phải trả nợ vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng ông S vi phạm việc trả lãi định kỳ hàng tháng và không thực hiện đúng mục đích vay số tiền gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thanh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng ông S không hợp tác làm việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

** Phần tranh luận:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bị đơn trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T toàn bộ số tiền gốc vay theo chương trình hộ nghèo đã quá hạn theo số hợp đồng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/6/2016 là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Buộc ông S phải trả nợ vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng ông S vi phạm không thực hiện đúng mục đích vay theo số hợp đồng mã món vay số 6600000709113523 ngày 08/12/2016 số tiền gốc 12.000.000 đồng và

tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 351; Điều 385; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, buộc ông Võ Thanh S trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T toàn bộ số tiền gốc vay theo chương trình hộ nghèo đã quá hạn theo số hợp đồng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/6/2016 là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Buộc ông S phải trả nợ vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng ông S vi phạm không thực hiện đúng mục đích vay theo số hợp đồng mã món vay số 66000000709113523 ngày 08/12/2016 số tiền gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc ông Võ Thanh S phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Võ Thanh S có địa chỉ cư trú tại Thôn N, xã Q, huyện T, Đắk Nông. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án làm việc, vì vậy tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn không hợp tác giải quyết, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Như vậy, bị đơn đã từ chối quyền tham gia tố

tụng dân sự hợp pháp được pháp luật tổ tụng dân sự bảo vệ. Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào hợp đồng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/6/2016 hạn trả nợ là ngày 08/3/2020; đến thời hạn trả nợ Ngân hàng đã yêu cầu ông S trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng nhưng ông S không trả và hợp đồng mã món vay số 66000000709113523 ngày 08/12/2016 mặc dù chưa đến hạn trả gốc nhưng ông S vi phạm về mục đích sử dụng vốn vay và vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi và vi phạm về mục đích sử dụng vốn vay theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật; vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2.2] Về nội dung tranh chấp: Nội dung tranh chấp là số tiền vay 30.000.000 đồng theo hợp đồng mã món vay số 6600000706883472 và số tiền vay 12.000.000 đồng theo hợp đồng mã món vay số 66000000709113523; Ngân hàng đã giải ngân cho ông S hai món tiền vay này theo hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã cử cán bộ làm việc với ông S để yêu cầu ông S thực hiện đúng hợp đồng nhưng ông S không hợp tác. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3.1] Về hợp đồng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/6/2016, ngân hàng đã giải ngân cho ông S vay số tiền gốc 30.000.000 đồng. Về hợp đồng mã món vay số 66000000709113523 ngày 08/12/2016 ngân hàng đã giải ngân cho ông S vay số tiền 12.000.000 đồng. Khi giải ngân ngân hàng đã giải ngân đúng trình tự vay vốn, ông S đã nhận đủ tiền vay và đã đóng lãi theo hợp đồng được một phần vì vậy hai hợp đồng này là có thật và đã thực hiện trên thực tế.

[3.2] Căn cứ theo nội dung hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/6/2016 thì đến ngày 08/3/2020 ông Võ Thanh S phải trả cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Khi đến hạn trả nợ ngân hàng đã yêu cầu ông S trả toàn bộ gốc và lãi theo món vay nhưng ông S không trả như vậy ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết; Căn cứ theo nội dung hợp đồng tín dụng mã món vay số 66000000709113523 ngày 08/12/2016 thì chưa đến hạn trả nợ tuy nhiên qua kiểm tra việc thực hiện vốn vay ngân hàng phát hiện ông S không sử dụng vốn vay đúng mục đích, không trả lãi vay theo hợp đồng. Ngân hàng đã yêu cầu ông S thực hiện đúng nội dung hợp đồng nhưng ông S không hợp tác giải quyết như vậy ông S vi phạm mục đích sử dụng vốn vay theo hợp đồng. Việc Ngân hàng khởi kiện buộc

ông S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, điều 429 của Bộ luật dân sự, việc Ngân hàng khởi kiện là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, căn cứ theo nội dung hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/6/2016 thì lãi suất trong hạn là 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay và nội dung hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000709113523 ngày 08/12/2016 thì lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Tính đến ngày 29/9/2020, ông S còn nợ Ngân hàng các khoản cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000706883472.
- + Tiền gốc: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- + Tiền lãi: 1.670.250 đồng;
- + Tổng cộng cả gốc và lãi là: 31.670.250 đồng.
- Đối với hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000709113523.
- + Tiền gốc: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).
- + Tiền lãi: 721.972 đồng;
- + Tổng cộng cả gốc và lãi là: 12.721.972 đồng.

[3.5] Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T buộc ông Võ Thanh S phải trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 31.670.250 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 1.670.250 đồng theo hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000706883472 và số tiền 12.721.972 đồng, trong đó tiền gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 712.972 đồng theo hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000709113523.

[5] Về án phí: Bị đơn ông Võ Thanh S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T.

Buộc ông Võ Thanh S phải trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 31.670.250 đồng (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 1.670.250 đồng) theo hợp đồng tín dụng mã món vay số

6600000706883472 và số tiền 12.721.972 đồng (trong đó tiền gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 712.972 đồng) theo hợp đồng tín dụng mã món vay số 66000000709113523.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ Thanh S phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng mã món vay số 6600000706883472 ngày 23/3/2016 và hợp đồng tín dụng mã món vay số 66000000709113523 ngày 08/12/2016 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Võ Thanh S phải nộp 2.219.000 đồng (Hai triệu hai trăm mười chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Tiến Thọ